

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24-12-2021

V/v: Ly hôn giữa anh T và chị M

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm M Hằng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thao.

2. Ông Lưu Việt Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 24-12-2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-12-2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1980.

Trú tại: Tổ dân phố số 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt”.

*Bị đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ dân phố số 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-10-2021, tại bản tự khai nguyên đơn anh Lê Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc và chị Bùi Thị M kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 12-01-2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ dân phố số 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình vợ chồng không hòa hợp nên dẫn đến bất đồng về quan điểm, vợ chồng không khuyên bảo được nhau. Anh Lê Ngọc T xác định tình cảm vợ chồng với chị Bùi Thị M không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị M có 02 con chung là Lê Bùi Tuấn A, sinh ngày 13-10-2008 và Lê Bùi Gia B, sinh ngày 30-01-2012. Ly hôn anh Lê Ngọc T có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Bùi Tuấn A và chị Bùi Thị M nuôi cháu Lê Bùi Gia B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Lê Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09-11-2021, bị đơn chị Bùi Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Lê Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 12-01-2007. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với nhau không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống. Chị Bùi Thị M xác định tình cảm vợ chồng với anh Lê Ngọc T không còn, anh Lê Ngọc T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị Bùi Thị M xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Bùi Tuấn A, sinh ngày 13-10-2008 và Lê Bùi Gia B, sinh ngày 30-01-2012. Ly hôn, chị Bùi Thị M có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Bùi Gia B, anh Lê Ngọc T nuôi cháu Lê Bùi Tuấn A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Lê Ngọc T, bị đơn chị Bùi Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục hòa giải: Ngày 30/11/2021, chị Bùi Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 12-01-2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xảy ra bất đồng về quan điểm sống. Anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Lê

Ngọc T và chị Bùi Thị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để anh T được ly hôn chị M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị M công nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Bùi Tuấn A, sinh ngày 13-10-2008 và Lê Bùi Gia B, sinh ngày 30-01-2012. Anh Lê Ngọc T có nguyện vọng được nuôi cháu Tuấn A, chị Bùi Thị M có nguyện vọng được nuôi cháu Gia B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con của anh Lê Ngọc T, chị Bùi Thị M phù hợp với nguyện vọng của các con. Vì vậy, cần giao cho anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị M mỗi người nuôi một con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con là hợp tình, hợp lý.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Lê Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T được ly hôn chị Bùi Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bùi Tuấn A, sinh ngày 13-10-2008 cho anh Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Lê Bùi Gia B, sinh ngày 30-01-2012 cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001786 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 25-10-2021.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- UBND xã Minh Quán;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Mai Hằng**